HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:*03* /2015/NQ-HĐND	*Cà Mau, ngày 30 tháng 6 năm 2015*

NGHỊ QUYẾT

Về Phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất; khai thác, sử dụng nước mặt; xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi; báo cáo kết quả thăm dò, đánh giá trữ lượng nước dưới đất và hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Cà Mau

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 12
(Từ ngày 29 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015)

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân năm 2004;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và Lệ phí năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và Lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và Lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 48/TTr-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành mức thu Phí thẩm định: đề án, báo cáo thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất; khai thác, sử dụng nước mặt; xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi; báo cáo kết quả thăm dò, đánh giá trữ lượng nước dưới đất và hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Cà Mau và Báo cáo thẩm tra số 27/BC-HĐND ngày 24 tháng 6 năm 2015 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh;

Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau khóa VIII, kỳ họp thứ 12 đã thảo luận và thống nhất,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành quy định về thu Phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất; khai thác, sử dụng nước mặt; xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi; báo cáo kết quả thăm dò, đánh giá trữ lượng nước dưới đất và hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Cà Mau, với các nội dung như sau:

1. Tổ chức thu phí

Cơ quan có thẩm quyền thẩm định: đề án, báo cáo thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất; khai thác, sử dụng nước mặt; xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi; báo cáo kết quả thăm dò, đánh giá trữ lượng nước dưới đất và hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

2. Đối tượng nộp phí

Tổ chức, cá nhân khi được cơ quan có thẩm quyền thẩm định: đề án, báo cáo thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất; khai thác, sử dụng nước mặt; xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi; báo cáo kết quả thăm dò, đánh giá trữ lượng nước dưới đất và hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Cà Mau phải nộp phí theo quy định.

3. Mức thu phí

a) Phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất:

- Đề án thiết kế giếng thăm dò có lưu lượng nước dưới 200m^3/ngày đêm: 400.000đồng/đề án.

- Đề án, báo cáo thăm dò có lưu lượng nước từ 200m^3 đến dưới 500m^3/ngày đêm: 1.100.000 đồng/đề án, báo cáo.

- Đề án, báo cáo thăm dò có lưu lượng nước từ 500m^3 đến dưới 1.000m^3/ngày đêm: 2.600.000 đồng/đề án, báo cáo.

- Đề án, báo cáo thăm dò có lưu lượng nước từ 1.000m^3 đến dưới 3.000m^3/ngày đêm: 5.000.000 đồng/đề án, báo cáo.

b) Phí thẩm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt:

- Đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng dưới 0,1m^3/giây; hoặc để phát điện với công suất dưới 50kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 500m^3/ngày đêm: 600.000đồng/đề án, báo cáo.

- Đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 0,1m^3 đến dưới 0,5m^3/giây; hoặc để phát điện với công suất từ 50kw đến dưới 200kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 500m^3 đến dưới 3.000m^3/ngày đêm: 1.800.000đồng/đề án, báo cáo.

- Đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 0,5m^3 đến dưới 1m^3/giây; hoặc để phát điện với công suất từ 200kw đến dưới 1.000kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 3.000m^3 đến dưới 20.000m^3/ngày đêm: 4.400.000đồng/đề án, báo cáo.

- Đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 1m^3 đến dưới 2m^3/giây; hoặc để phát điện với công suất từ 1.000kw đến dưới 2.000kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 20.000m^3 đến dưới 50.000m^3/ngày đêm: 8.400.000đồng/đề án, báo cáo.

c) Phí thẩm định đề án, báo cáo xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi:

- Đề án, báo cáo có lưu lượng nước dưới 100m^3/ngày đêm: 600.000đồng/đề án, báo cáo.

- Đề án, báo cáo có lưu lượng nước từ 100m^3 đến dưới 500m^3/ngày đêm: 1.800.000đồng/đề án, báo cáo.

- Đề án, báo cáo có lưu lượng nước từ 500m^3 đến dưới 2.000m^3/ngày đêm: 4.400.000đồng/đề án, báo cáo.

- Đề án, báo cáo có lưu lượng nước từ 2.000m^3 đến dưới 5.000m^3/ngày đêm: 8.400.000đồng/đề án, báo cáo.

d) Phí thẩm định báo cáo kết quả thăm dò, đánh giá trữ lượng nước dưới đất:

- Báo cáo kết quả thi công giếng thăm dò có lưu lượng dưới 200m^3/ngày đêm: 400.000đồng/báo cáo.

- Báo cáo kết quả thăm dò có lưu lượng từ 200m^3 đến dưới 500m^3/ngày đêm: 1.400.000đồng/báo cáo.

- Báo cáo kết quả thăm dò có lưu lượng nước từ 500m^3 đến dưới 1.000m^3/ngày đêm: 3.400.000đồng/báo cáo.

- Báo cáo kết quả thăm dò có lưu lượng nước từ 1.000m^3 đến dưới 3.000m^3/ngày đêm: 6.000.000đồng/báo cáo.

đ) Phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất: 1.400.000đồng/hồ sơ.

e) Trường hợp thẩm định khi gia hạn, bổ sung thu bằng 50% mức thu theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ khoản 3 Điều này.

4. Quản lý, sử dụng tiền phí

Tổ chức thu phí được trích 80% số phí thu được để trang trải chi phí cho hoạt động thẩm định, còn 20% nộp ngân sách Nhà nước.

Tổ chức thu phí thực hiện chế độ thu, nộp, sử dụng, quyết toán và công khai tài chính theo quy định hiện hành.

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát quá trình thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2015 và thay thế Nghị quyết số 91/2007/NQ-HĐND ngày 29 tháng 6 năm 2007 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất; khai thác, sử dụng nước mặt; xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi; Nghị quyết số 92/2007/NQ-HĐND ngày 29 tháng 6 năm 2007 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Phí thẩm định báo cáo kết quả thăm dò, đánh giá trữ lượng nước dưới đất và Nghị quyết số 93/2007/NQ-HĐND ngày 29 tháng 6 năm 2007 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Cà Mau khóa VIII, kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 30 tháng 6 năm 2015.

Nơi nhận:
- UBTV Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (BTP);
- TT. Tỉnh ủy;
- UBND tỉnh;
- BTT. UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT.HĐND, UBND huyện, tp;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Công báo – Tin học tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Bùi Công Bửu